

GIAO LƯU SÁCH VỞ GIỮA HOA NAM (TRUNG QUỐC) VỚI NAM BỘ (VIỆT NAM) CUỐI NHÀ THANH

BOOK EXCHANGES BETWEEN HUANAN COUNTY (CHINA) AND
SOUTHEAST REGION (VIETNAM) AT THE END OF THE QING DYNASTY

*Nguyễn Thanh Phong**

1. Dẫn nhập

Trung Quốc và Việt Nam có mối quan hệ giao lưu sách vở từ rất lâu đời. Thời điểm sớm nhất được biết đến hiện nay là dưới thời Tam Quốc, Sĩ Nhiếp được Ngô vương sai sang xây dựng nền học thuật trên đất Giao Châu, trí thức học sĩ phương Bắc cũng thường xuyên lui tới, có lẽ từ lúc này sách vở Trung Quốc bắt đầu được truyền rộng đến miền Bắc Việt Nam. Trải qua suốt ngàn năm Bắc thuộc, dù tư liệu ghi chép lưu lại đến nay không nhiều, nhưng chắc chắn rằng nhiều sách vở của tam giáo Nho - Phật - Đạo, quan trọng nhất là sách vở Phật giáo, vào những thời điểm hưng thịnh của Phật giáo Trung Hoa, đã liên tục được truyền đến Giao Châu, hoặc được các tăng sinh du học mang về, góp phần bồi huấn lớp tăng sĩ trí thức ít ỏi trong nước đương thời.

Từ sau khi giành được độc lập, có lẽ do tiếp nhận sách vở kinh điển Nho giáo chưa nhiều, nên tầng lớp nho sĩ ở nước ta còn khá mỏng, triều đình chưa thể hoàn toàn dựa vào Nho giáo làm công cụ thống trị xã hội. Trong khi đó, kinh sách Phật giáo đã khá phổ biến ở nước ta trước đó, giới tăng sĩ đã rất đông đảo và lớn mạnh, nên Phật giáo trở thành chỗ dựa vững chắc cho vận nước trong thời kỳ đầu độc lập. Từ khi nhà Lý chuyển sang nhà Trần, do tiếp nhận sách vở Nho học Trình Chu từ phương Bắc ngày càng nhiều hơn, tầng lớp nho sĩ nhờ đó cũng ngày càng lớn mạnh, Nho giáo dần thay thế vị trí của Phật giáo trong cấu trúc chính trị, tư tưởng của xã hội Đại Việt.

Đến thời nhà Minh, triều đình phong kiến phương Bắc từng ban tặng kinh sách cho An Nam, trong đó chủ yếu là kinh điển Nho giáo, được nho sĩ trong nước tiếp nhận chỉnh lý thành sách vở khoa cử, ảnh hưởng nhất định đến nền giáo dục về sau. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép vào năm Vĩnh Lạc thứ 17 (1419), Minh Thành Tổ sai sứ mang sách đã được triều đình biên tu như *Ngũ kinh Tứ thư tính lý đại toàn*, *Vi thiện âm chất*, *Hiếu thuận sự thực*,... sang tặng cho An Nam, góp phần làm hưng thịnh nền Nho học dưới thời Hậu Lê¹. Tuy nhiên, quá trình giao lưu sách vở này mang tính quan phương chính thống giữa triều đình hai nước, trong khi những hoạt động giao lưu sách vở trong dân gian có phần bế tắc do chính sách cấm lưu truyền sách vở ra nước ngoài dưới nhiều triều đại phong kiến Trung Hoa. Chẳng hạn, trong *Tống sử* có ghi chép chuyện vua Tống Thần Tông chỉ cho phép lưu truyền *Cửu kinh*

* Thạc sĩ, Đại học An Giang.

¹ Lý Trác Nhiên. *Tư tưởng Chu Tử và Nho học Việt Nam*. Singapore: Trung Quốc Văn hóa Nghiên cứu Sở Học báo, kỳ 12/413, 2003, tr.458.

(*Tứ thư* và *Ngũ kinh*) ra nước ngoài, nghiêm cấm lưu truyền các loại sách khác. Điều này lý giải vì sao nền Nho học Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu nặng tính quan phương của Nho học Trung Hoa, thiếu sự tiếp nhận đa diện các học phái khác nhau, thiếu sự suy tư bàn luận các vấn đề tâm tính của bản thể luận. Lệnh cấm này kéo dài đến giữa nhà Minh mới tương đối nói rộng, trong bối cảnh nền kinh tế hàng hóa dần phát triển và quan hệ mậu dịch bằng đường biển trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á đang trở dậy mạnh mẽ.

Trong sách *Thù vực chu tư lục* được viết đầu những năm Vạn Lịch nhà Minh (niên đại 1570), Nghiêm Tùng Giản cho biết ở An Nam lúc đó đã có rất nhiều sách vở Trung Hoa, ngoài đa phần sách vở Nho giáo và Phật giáo còn có các loại sách thiên văn, địa lý, lịch pháp, tướng số, toán học, y học, thư pháp, kinh Phật². Sự du nhập sách vở Trung Quốc có thể đã nhiều đến mức triều đình bắt đầu thấy lo lắng cho sự độc lập về văn hóa, tư tưởng, giáo dục của đất nước, sự lệ thuộc vào sách vở học thuật bên ngoài, nên một mặt hạn chế nhập khẩu sách vở Trung Quốc, một mặt thúc đẩy ngành in ấn trong nước phát triển. Chẳng hạn vào năm 1734, tập đoàn chúa Trịnh ở miền Bắc đã ra lệnh cho các địa phương tăng cường hoạt động in ấn sách vở, cấm tiếp tục du nhập sách vở từ Trung Quốc sang. Mệnh lệnh này vô hình trung đã gián tiếp thừa nhận trước đó sách vở phương Bắc đã lưu truyền tương đối nhiều ở nước ta³. Cũng vào cuối thế kỷ XVIII, dưới thời gian trị vì ngắn ngủi của triều Tây Sơn, để phát triển nền học thuật chữ Nôm trong nước, triều đình cũng đã ra lệnh cấm nhập khẩu sách vở Trung Quốc⁴.

Dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh, các đời chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã tích cực thực thi chính sách Nam tiến, mở rộng lãnh thổ về phía nam để xây dựng thế lực chính trị, kinh tế làm đối trọng với thế lực chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Do chính sách cởi mở về kinh tế lẫn văn hóa, thế lực nhà Nguyễn ở Đàng Trong ngày một lớn mạnh. Sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động thông thương mậu dịch đường biển, cùng với việc thương nhân và di dân hai nước thường xuyên di cư qua lại, tạo tiền đề cho sự giao lưu văn hóa, sách vở ngày một xuyên suốt. Nhiều văn nhân thi sĩ Hoa Nam đã theo thuyền buôn đến giao lưu văn học tại các trung tâm văn hóa lớn của Nam Bộ như Gia Định, Biên Hòa, Hà Tiên. Nhiều sứ thần Việt Nam, trong đó có các sứ thần gốc Minh Hương ở Nam Bộ trên đường công cán cũng đã giao lưu văn học rất mật thiết với văn nhân thi sĩ Quảng Đông. Quá trình trao đổi thư tín, thù tạc xướng vịnh, tặng sách ứng họa, thỉnh tựa đề từ qua lại của giới văn nhân hai bên một lần nữa khiến cho sách vở hai nước có dịp giao lưu mật thiết, chủ yếu là sách tác phẩm văn học nên chiếm số lượng không quá lớn⁵.

² Trần Ích Nguyên, Phạm Tú Châu (dịch). (2013). *Thuật bàn về tư liệu sách chữ Hán ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, tr.15.

³ Nhan Bảo. *Ảnh hưởng của tiểu thuyết Trung Quốc đến văn học Việt Nam*. In trong Claudine Salmon (chủ biên). (1989). *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc tại châu Á*. Bắc Kinh: Công ty xuất bản Văn hóa Quốc tế, tr.191-236.

⁴ Hạ Lộ. *Giao lưu văn học giữa Quảng Đông và Việt Nam thế kỷ XVII-XIX*. In trong Vương Tam Khánh, Trần Ích Nguyên (chủ biên). (2011). *Luận tập văn hóa phong tục và văn học Hán văn Đông Á*. Đài Bắc: Lạc Học Thư cục, tr.191.

⁵ Hạ Lộ. *Giao lưu văn học giữa Quảng Đông và Việt Nam thế kỷ XVII-XIX*. In trong Vương Tam Khánh,

Đến thế kỷ XIX, hoạt động giao dịch sách vở giữa hai nước mới thật sự diễn ra náo nhiệt hơn do tầng lớp trí thức nho sĩ ở Nam Bộ ngày một đông đảo và trưởng thành. Sách vở từ các trung tâm khắc in ở khu vực Hoa Nam như Phật Sơn, Quảng Châu, Tô Châu đã theo chân giới Hoa thương Quảng Đông truyền đến Gia Định, rồi từ các hiệu sách của người Hoa ở Chợ Lớn phát hành rộng khắp vùng Nam Bộ. Trong thời gian này, kinh sách tôn giáo của các giáo phái dân gian Hoa Nam cũng theo chân giới đạo sĩ, tăng lữ truyền đến vùng đất Nam Bộ, mang theo một lượng lớn tư tưởng huyền học, đạo học, triết học Hoa Nam đến với miền Nam, góp phần hình thành học phong, đạo phong của các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ.

Bài viết này lần lượt phân tích mối quan hệ giao lưu sách vở giữa Hoa Nam (Trung Quốc) và Nam Bộ (Việt Nam) qua ba con đường là: (1) triều cống và giao lưu văn học, (2) giao dịch sách vở trên thị trường, và (3) sự truyền bá của các giáo phái dân gian.

2. Giao lưu sách vở giữa các sứ thần và văn nhân Nam Bộ với Hoa Nam

Các vương triều phong kiến Việt Nam từ triều Hậu Lê đến hết nhà Nguyễn đã hơn 80 lần sai sứ sang nhà Thanh, kéo dài từ giữa thế kỷ XVII đến hết thế kỷ XIX. Chỉ tính riêng triều Nguyễn từ khi Gia Long lập quốc năm 1802 đến hết thế kỷ XIX, đã có khoảng 40 lần khiến sứ bang giao với nhà Thanh. Do nhu cầu tham cứu sách vở Trung Hoa của triều đình nhà Nguyễn là rất lớn, đặc biệt có nhiều vị vua yêu thích đọc sách Trung Hoa như cha con vua Minh Mạng và Thiệu Trị, trong khi sách vở trong nước còn kham hiếm và thiếu thốn, thì các sứ thần ngoài nhiệm vụ ngoại giao còn phụ trách thêm nhiệm vụ tìm mua sách vở Trung Quốc mang về Việt Nam. Chẳng hạn, năm 1833, Nhữ Bá Sĩ trong chuyến đi sứ Yên Kinh đã phải tìm mua sách vở quan phương của triều đình biên soạn tại Quảng Đông. Hoạc năm 1869, Nguyễn Tư Giản đã nhận nhiệm vụ mua sách ở Yên Kinh, trên đường đi còn được nhiều quan lại địa phương ở Trung Quốc tặng sách. Hay trong hai lần đi sứ cuối cùng năm 1880 và 1882, Nguyễn Thuật trên dọc đường đi cũng đã lưu tâm tìm mua sách vở Trung Quốc ở nhiều hiệu sách khác nhau... Nhiều sách quý hiếm do số lượng mua có hạn, đã được các sứ thần như Trần Văn Chuân, Phạm Phú Thứ tấu xin hoàng đế triều Nguyễn phê chuẩn cho khắc in và phát hành rộng rãi đến người đọc, góp phần bồi dưỡng quan lại trong triều và giáo hóa nhân dân⁶.

Có thể thấy, sứ thần triều Nguyễn là lực lượng quan trọng góp phần truyền bá sách vở Trung Quốc vào Việt Nam. Các điểm mua sách nằm dọc trên đoạn đường đi sứ, ngoài Bắc Kinh còn có Thượng Hải, Thiên Tân, Quảng Đông, Quảng Tây. Ngoài chấp hành công vụ mua sách, nhiều sứ thần yêu thích đọc sách cũng mua thêm cho riêng mình như Nguyễn Thuật, hay mua dùm cho bạn bè đồng liêu đã gửi gắm. Thậm chí có trường hợp lượt đi mua xong sách rồi gửi lại định lượt về ghé lấy, không ngờ do chiến loạn xảy ra phải đi vòng đường khác nên không thể mang số sách đã mua về được. Hoạc có trường hợp như Lê Quý

Trần Ích Nguyên (chủ biên). (2011). *Luận tập văn hóa phong tục và văn học Hán văn Đông Á*. Đài Bắc: Lạc Học Thư cục, tr.191.

⁶ Trần Ích Nguyên, Phạm Tú Châu (dịch). (2013). *Thuật bàn về tư liệu sách chữ Hán ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội, tr.15-41.

Đôn ghi trong *Bắc sử thông lục*, phái đoàn mang sách về đến Quế Lâm (Quảng Tây) thì bị quan lại cửa khẩu lục xét thu hồi hơn 20 quyển không cho mang về Việt Nam⁷. Quá trình giao lưu sách vở này diễn ra mạnh mẽ nhất dưới bốn đời vua Khang Hy - Càn Long - Gia Khánh - Đạo Quang của nhà Thanh, đây cũng là thời kỳ ngoại giao triều cống giữa hai nước diễn ra xuyên suốt không bị gián đoạn.

Lực lượng sứ thần triều Nguyễn ngoài các vị quan đại thần có thành tích khoa bảng ở Bắc và Trung Bộ, còn có các văn nhân, nho sĩ gốc Minh Hương mà tổ tiên đã từng từ Hoa Nam di cư đến Nam Bộ, như Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định, Trương Hào Hợp,... Đôn cử trường hợp Trịnh Hoài Đức, ông nội ông là Trịnh Hội từ Trường Lạc (Phúc Kiến, Trung Quốc), vì không thần phục người Mãn Châu, nên xuống thuyền vượt biển sang Phú Xuân, sau chuyển đến Trấn Biên (Biên Hòa) ở Nam Bộ sinh sống. Năm 1802, nhờ tinh thông tiếng quan thoại và tiếng Quảng Đông, Phúc Kiến, Trịnh Hoài Đức được vua Gia Long giao làm chánh sứ áp giải đạo tặc và nạp cống cho nhà Thanh. Tập thơ *Cán Trai quan quang tập* được viết trong chuyến đi sứ này có đề cập đến việc ông đặc biệt yêu thích thơ Đường, nên đã chọn mua một số tuyển tập Đường thi phát hành đương thời, cùng một số sách kinh điển của Bách gia chư tử để mang về, đêm ngày rảnh rỗi đều lấy ra ngâm đọc, lâu dần thành thực niêm luật, mỗi khi xúc cảnh sinh tình, đều có thể phóng bút thành thơ⁸. Ngô Nhân Tĩnh cũng nhiều lần đi sứ sang Trung Quốc, để lại tập thơ *Thập Anh đường thi tập* gồm 81 bài thơ chữ Hán, cho biết trong thời gian 6 tháng ở Quảng Đông, ông đã đến Ma Cao và Quảng Châu, tình cờ tham dự hội thơ của Hương Sơn thi xã, thù tạc xướng họa với nhiều thi sĩ địa phương⁹. Bản thân Lê Quang Định, Trương Hào Hợp cũng được tặng sách và có nhiều trải nghiệm tương tự.

Dưới thời cuối Minh đầu Thanh, nhiều nhóm người Minh Hương từ Quảng Đông, Quảng Tây do Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu dẫn đầu, do không thần phục nhà Thanh thống trị, đã lên thuyền vượt biển sang định cư ở Nam Bộ Việt Nam. Tiếp theo đó, rải rác nhiều nhóm nạn dân chính trị và thương nhân người Hoa tiếp tục sang Nam Bộ rồi định cư lại đây, dựng vợ gả chồng, buôn bán làm ăn tương đối hòa thuận với người Việt. Người Hoa đến đâu thì văn hóa, văn học, sách vở của người Hoa sẽ theo đến đấy. Các tác phẩm văn học Trung Quốc, đặc biệt là *Kinh thi*, tản văn Tiên Tần, thơ Đường, tiểu thuyết Minh Thanh, cũng dần dần được truyền bá đến Nam Bộ, tạo nên sự giao lưu văn hóa, văn học mật thiết giữa Hoa Nam và Nam Bộ trong suốt thế kỷ XVIII-XIX, kéo dài đến

⁷ Hà Thiên Niên cho rằng, dưới triều Thanh, các loại sách tác phẩm tiểu thuyết thông tục và hý khúc bị triều đình cấm xuất khẩu vì đây là sách “dâm từ tiểu thuyết”, “thương phong bại tục” theo quan điểm văn nghệ chính thống đương thời. Triều đình lo sợ các loại sách này lưu truyền ra nước ngoài sẽ ảnh hưởng xấu đến uy thế và thanh danh của “thiên triều”, nên nhiều nơi đã tra xét thu hồi sách vở như trường hợp Lê Quý Đôn kể phía trên. Hà Thiên Niên. *Phương thức lưu truyền của sách vở Trung Quốc đến Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến văn hóa triều Nguyễn*. Thanh sử Nghiên cứu, kỳ 2 năm 2014, tr.2.

⁸ Hạ Lộ. *Giao lưu văn học giữa Quảng Đông và Việt Nam thế kỷ XVII-XIX*. In trong Vương Tam Khánh, Trần Ích Nguyên (chủ biên). (2011). *Luận tập văn hóa phong tục và văn học Hán văn Đông Á*. Đài Bắc: Lạc Học Thư cục, tr.209-210.

⁹ Trần Ích Nguyên, Nguyễn Phúc An (dịch). (2018). *Thư tịch Trung Quốc và thơ văn đi sứ Trung Hoa thời Nguyễn*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, tr.203-208.

tận nửa đầu thế kỷ XX. Hậu duệ của các nhóm người Minh Hương và người Hoa di dân đó về sau cũng đều được ra làm quan dưới triều Nguyễn, trở thành các vị hộ quốc công thần, nho sĩ trí thức, nhà văn nhà thơ lớn của đất Nam Bộ như Mạc Thiên Tích, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định, Phan Thanh Giản, Trương Hào Hợp,... Về văn học, đáng chú ý nhất là nhóm “Chiêu Anh Các” của Mạc Thiên Tích ở Hà Tiên và nhóm “Gia Định tam gia” ở Gia Định.

Mạc Thiên Tích (1706-1780) là con trai trưởng của Mạc Cửu, từ nhỏ đã được tiếp nhận nền học vấn Trung Hoa do các Hoa kiều truyền thụ. Mạc Cửu mất năm ông 30 tuổi, ông được chúa Nguyễn cho thay cha làm chức Tổng trấn Hà Tiên. Bên cạnh xây dựng thành lũy, khai khẩn đất đai sản xuất nông nghiệp, phát triển thông thương mậu dịch với các nước, ông cũng quan tâm mở mang văn hóa, sáng tác văn học. Mạc Thiên Tích cho xây dựng Chiêu Anh Các làm Văn miếu thờ Khổng Tử, đồng thời là nơi hội tụ tao nhân mặc khách đến xướng họa thơ văn. Trong đó, nổi bật nhất là “Thập bát anh”, tức 18 bậc thi bá, chí sĩ nổi trội của đất Hà Tiên, ngoài ra, còn thường xuyên có nhiều nhà thơ từ Gia Định và Quảng Đông Bạch Xã ở Quảng Đông lui tới tham gia luận bàn ngâm vịnh. Chủ đề “Hà Tiên thập vịnh” gồm 10 bài thơ vịnh cảnh Hà Tiên do Mạc Thiên Tích đề xướng năm 1736, được 31 thi sĩ khác hưởng ứng xướng họa, chỉ một năm sau đã được khắc gỗ ấn hành tại Hà Tiên với 220 bài thơ. Không chỉ vậy, các thành viên và bản thân Mạc Thiên Tích còn có nhiều thơ chữ Hán và chữ Nôm khác, tiếc là phần nhiều trong đó đã thất lạc¹⁰. Những cuộc gặp gỡ giữa văn nhân các nơi như vậy chắc chắn không thể thiếu việc giao lưu trao đổi sách vở, đặc biệt là các sáng tác văn chương của nhau.

Sau Hà Tiên vài chục năm, Gia Định cũng trở thành một trung tâm văn hóa, văn học lớn. Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định là ba nhà thơ lỗi lạc đương thời, được người đời sau mệnh danh là Gia Định tam gia. Họ cùng sáng lập một hội thơ có tên là Bình Dương thi xã, còn gọi là Sơn hội vì các thành viên đều có chữ Sơn trong bút hiệu. Cũng giống như Chiêu Anh Các, Bình Dương thi xã là nơi hội tụ tao nhân mặc khách cùng bàn thơ xướng họa, ngoài văn nhân đất Gia Định còn có sự tham gia của giới Hoa kiều Quảng Đông, Phúc Kiến, đến nay vẫn còn lưu lại nhiều tác phẩm trong *Gia Định tam gia thi tập*.

3. Giao dịch sách vở giữa Nam Bộ với Hoa Nam

Từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX, một lượng lớn thư tịch cổ chữ Hán từ khu vực Hoa Nam đã theo thuyền buôn người Hoa truyền đến Nam Bộ. Ban đầu, đối tượng tiếp nhận chủ yếu là di dân Hoa kiều, dần dà mở rộng sang giới nhà nho người Việt, vốn dần lớn mạnh trong quá trình di cư mở cõi. Điều này khiến cho tư tưởng học thuật Hoa Nam thông qua Hoa kiều và nho sĩ được lan truyền tương đối sâu rộng trên vùng đất Nam Bộ. Trong quá trình giao lưu này, nổi bật lên vai trò của trung tâm khắc in và xuất bản sách Phật Sơn, bên cạnh các trung tâm khác như Quảng Châu, Tô Châu.

¹⁰ Đông Hồ. (1970). *Văn học miền Nam - Văn học Hà Tiên*. Sài Gòn: Quỳnh Lâm xuất bản.

Phật Sơn (còn gọi Phật Trấn, tỉnh Quảng Đông) là một trong sáu trung tâm in ấn sách vở quan trọng ở Trung Quốc thời nhà Thanh. Từ đầu thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX, Phật Sơn cùng với Quảng Châu là hai “kho sách” lớn của tỉnh Quảng Đông, vừa là trung tâm in ấn sách vở với kỹ thuật tiên tiến và giá thành rẻ, vừa có nhiều nhà sách, nhà xuất bản đồ sộ với một thị trường buôn bán sách vở vào loại nhộn nhịp nhất thời bấy giờ. Sách vở xuất bản nơi đây, không chỉ được mua bán rộng rãi khắp vùng Hoa Nam, Hồng Công, Ma Cao, mà còn theo chân giới Hoa thương truyền rộng khắp các nước Đông Á và Đông Nam Á. Hiện nay, phòng lưu trữ sách cổ Phật Sơn trực thuộc Thư viện thành phố Phật Sơn còn lưu giữ rất nhiều tư liệu quý giá cho thấy diện mạo nghề in ấn và phát hành sách hưng thịnh ở nơi đây một thời.

Từ thời Minh, Phật Sơn đã được chia làm 24 con phố, đến đời nhà Thanh mở rộng ra 28 phố, trong đó các phố Đại Địa, Phúc Đức, Phúc Lộc, Tâu Mã nổi tiếng là những con phố có nhiều hiệu sách nhất. Theo thống kê của Lưu Thục Bình, người đã dành nhiều năm nghiên cứu nghề in ấn ở Phật Sơn, vào lúc thịnh vượng nhất ở đây có đến 76 hiệu sách, mỗi hiệu sách thường có cơ sở in ấn và phát hành riêng. Chẳng hạn, phố Đại Địa có các hiệu sách Anh Văn Đường, Hữu Văn Đường, Hàn Văn Đường, Văn Hoa Các; phố Phúc Lộc có Tàng Kinh Các, Xương Hoa Đường, Hàn Văn Đường, Hoa Văn Cục, Thụy Văn Đường, Tu Trúc Trai, Văn Quang Lô, Thiên Bảo Lô, Anh Văn Đường, Bảo Hoa Các, Chính Đồng Văn Thư Cục, Văn Hoa Thư Cục, Đồng Văn Đường, Tụ Lâm Thư Cục; hay phố Xá Nhân Hậu có Cận Văn Đường; phố Tâu Mã có Cần Hương Các;... Trong đó, Hàn Văn Đường có hai cơ sở in ấn sách ở phố Đại Địa và phố Phúc Lộc, hoặc Đồng Văn Đường là chi nhánh của hiệu sách cùng tên ở Quảng Châu¹¹.

Về mặt nội dung, sách được in ấn ở đây thuộc nhiều lĩnh khác nhau như sách thường thức, sách bói toán, kinh Phật giáo, kinh Đạo giáo, sách y dược học, sách giáo dục khoa cử, sách học chữ Hán vỡ lòng, sách tiểu thuyết văn nghệ,...; ngoài ra, còn có tác phẩm văn học của văn nhân địa phương, sách gia phả và sử liệu dòng họ ở địa phương. Có thể thấy, đây là các loại sách lưu hành phổ biến ở Hoa Nam đương thời, có lượng phát hành lớn trên thị trường, phù hợp nhu cầu tiếp thu của đông đảo độc giả. Mãi đến thập niên 40 của thế kỷ XX, khi công nghệ in ấn hiện đại phát triển, kỹ thuật in mộc bản truyền thống dần lụi tàn, Phật Sơn mới hoàn thành vai trò lịch sử của nó trong suốt hơn hai thế kỷ.

Đương nhiên, một trung tâm in ấn với một thị trường sách vở nhộn nhịp như vậy khó thể nào lọt khỏi tầm mắt của giới Hoa thương nhạy bén Việt Nam, những người mà từ lâu đã có mối quan hệ làm ăn buôn bán vô cùng khăng khít với giới Hoa thương đại lục. Trong khi đó, nhu cầu tham cứu sách vở ở Nam Bộ là khá lớn. Ban đầu việc nhập khẩu sách vở Trung Quốc từ Phật Sơn là nhắm đến cộng đồng người Hoa ở các đô thị lớn, dần dà mở rộng sang đối tượng trí thức nho sĩ trên khắp miền Nam.

Kết quả điều tra điền dã mấy năm gần đây của chúng tôi cho thấy, rất nhiều sách vở Trung Quốc in ấn ở Phật Sơn từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX được lưu truyền rộng rãi

¹¹ Lưu Thục Bình. (7/2012). *Tìm hiểu hoạt động kinh doanh của các phường in và xuất bản sách ở Phật Sơn*. Phật Sơn Khoa học Kỹ thuật Học viện Học báo, kỳ 4 quyển 30, tr.70-73.

trong giới trí thức Nam Bộ, đến cả các nhà nho xa xôi ở Đồng bằng sông Cửu Long. Khảo sát kho tư liệu Hán Nôm tại tư gia của các nhà Nho như Lê Văn Thịnh (Long Xuyên, An Giang), Hồ Phú Quới (Long Xuyên, An Giang), Nguyễn Văn Bạc (Tri Tôn, An Giang), Cao Văn Hân (Thốt Nốt, Cần Thơ), Trần Văn Do (Thốt Nốt, Cần Thơ), chúng tôi đều nhận thấy sự hiện diện của khá nhiều sách vở Hoa Nam. Đơn cử trường hợp sách cổ được lưu giữ tại gia đình ông Cao Văn Hân (1924-1999), lúc sinh tiền sống tại phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Trong số 260 quyển sách Hán Nôm mà chúng tôi có dịp khảo sát, chiếm 2/3 trong số đó là các loại tự điển Trung Hoa (*Tự điển toàn tập, Khang Hy tự điển, Huyền Kim tự vựng, Ngọc Đường tự vựng,...*), sách học chữ Hán (*Ấu học quỳnh lâm, Tam thiên tự, Minh tâm bí quyết,...*), sách chiêm tinh phong thủy bói toán (*Tân đính vạn sự bất câu nhân thư, Tiết khí niên vận, Bốc phệ đại toàn bị yếu, Ngọc hạp kí thông thư, Bát trạch minh cảnh, Địa lý ngũ quyết, Tiên thiên dịch số,...*), sách y học (*Kiến chứng lập phương, Phụ nữ chư chứng, Thọ thế bảo nguyên,...*), sách giới thiệu phong tục lễ nghi Trung Hoa (*Ngọc thu lễ bộ, Ấu học cổ sự tâm nguyên,...*), sách tác phẩm hoặc chú giải tác phẩm văn học Trung Hoa (*Thi kinh, Thi kinh thể chú diễn nghĩa hợp tham, Tứ thư thể chú, Đông Chu liệt quốc, Sử ký Tư Mã Thiên, Kinh Xuân Thu,...*). Tất cả các sách đó đều được khắc in và phát hành tại Phật Sơn, theo con cháu kể lại thì do chính ông Cao Văn Hân và thầy dạy y nho của ông là Phạm Tôn Long (?-?) mua từ các hiệu sách ở Sài Gòn trước đây. Bên cạnh sách vở từ Trung Quốc truyền sang, còn có các tập sách chép tay những sáng tác văn học do hai thầy trò ông sáng tác, cùng với sách tập hợp tác phẩm lưu truyền phổ biến của các nhà nho đương thời. Qua đó cho thấy, sự ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng và văn phong Hoa Nam đến nho sĩ bản địa.

Nếu ban đầu, sách vở nhập về đều là sách chữ Hán của Trung Quốc; thì dần dà về sau, nhiều loại sách lưu hành ở Nam Bộ cũng được đưa sang Quảng Đông khắc in rồi mang về phát hành tại các hiệu sách lớn ở Gia Định, chủ yếu là các truyện Nôm và các vở tuồng hát bội như *Kim Vân Kiều tân truyện, Vân Tiên cổ tích tân truyện, Lục Vân Tiên, Phạm Công Cúc Hoa, Chiêu Quân cống Hồ, Thoại Khanh Châu Tuấn thư tập, Bạch viên tân truyện, Đình Lưu Tú diễn nghĩa, Tiểu San Hậu diễn ca, Triệu Ngũ Nương tân thư, Tây du diễn ca, Tam Quốc chí quốc ngữ bản,...* Có thể thấy, các chủng loại sách chữ Nôm lưu hành ở Nam Bộ đương thời khá phong phú, đa phần đều là tác phẩm diễn ca từ những tiểu thuyết hay tuồng tích Trung Quốc. Điều này gián tiếp xác nhận đã diễn ra một phong trào diễn Nôm các tiểu thuyết thông tục Trung Quốc ở Nam Bộ, đồng thời cũng xác nhận các tác phẩm chữ Hán này cũng đã được truyền đến Nam Bộ trước đó. Việc gửi sách sang Phật Sơn in ấn với số lượng lớn cũng cho thấy nhu cầu thưởng thức sách Nôm của độc giả Nam Bộ là rất lớn.

Cố giáo sư Nhan Bảo, chuyên gia nghiên cứu văn học Hán Nôm Việt Nam của Đại học Bắc Kinh, trong công trình *Ảnh hưởng của tiểu thuyết Trung Quốc đến văn học Việt Nam* đã chỉ ra, suốt khoảng 80 năm từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, rất nhiều tác phẩm văn học chữ Nôm của Việt Nam được in ấn tại Quảng Đông, trong đó đa phần in tại Phật Sơn. Ông viết: “Trong 40 năm cuối thế kỷ XIX, thậm chí có một số tác phẩm chữ Nôm được in ở Quảng Đông, đặc biệt là ở huyện Phật Sơn. Trên bìa của rất nhiều sách, còn có ghi tên người xuất bản và địa điểm xuất bản ở Trung Quốc, đồng thời cũng in tên người

phát hành ở Sài Gòn”¹². Có chung sự quan tâm, Lưu Ngọc Quân khi nghiên cứu về tư liệu Hán Nôm cổ Việt Nam cũng có phát hiện tương tự. Tác giả đúc kết rằng hầu hết sách vở Việt Nam có ấn bản tại Trung Quốc đều được khắc in tại Phật Sơn, trong số đó đa phần là tác phẩm văn học thông tục chữ Nôm đến từ Nam Bộ. Đáng chú ý là hầu hết đều do Duy Minh Thị hiệu đính trước khi đưa sang Quảng Đông khắc in, sau khi in xong đều được các hiệu sách ở Phật Sơn (Quảng Đông) và Đề Ngạn (Gia Định) phát hành¹³.

Trong bài viết *Giao lưu sách vở giữa Quảng Đông và Việt Nam dưới thời nhà Thanh*, Lý Khánh Tân đã liệt kê các hiệu sách ở Phật Sơn chuyên khắc in tác phẩm văn học của Việt Nam như Kim Ngọc Đường, Cận Văn Đường, Anh Văn Đường, Văn Nguyên Đường, Thiên Bảo Lâu, Bảo Hoa Các, Tự Lâm Thư Cục, Vinh Hòa Viên, Thịnh Nam Sạn, Thập Giới Viên, Ngũ Vân Lâu, Trần Thôn Vĩnh Hòa Nguyên. Ông đã dựa trên kết quả nghiên cứu của Lưu Ngọc Quân lập ra danh mục sách Việt Nam được khắc in ở Phật Sơn với 32 đầu sách, trong đó nhiều quyển in đi in lại nhiều lần ở nhiều nhà in khác nhau¹⁴.

Gần đây nhất là Nghiêm Diễm trong bài viết *Khảo thuật về tiểu thuyết và tuồng chữ Nôm của Việt Nam được khắc in ở Phật Sơn cuối triều Thanh*, tác giả đã dựa trên ba công trình *Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu* của Lưu Xuân Ngân và Vương Tiêu Thuần, *Việt Nam Hán Nôm cổ tịch đích văn hiến học nghiên cứu* của Lưu Ngọc Quân và *Tự điển chữ Nôm* của tác giả Nhật Bản Takeuchi Yonosuke để liệt kê 39 mục sách, là những tác phẩm văn học thông tục của Việt Nam, đã được đưa sang khắc in trong các hiệu sách ở Phật Sơn cuối nhà Thanh. Trong đó có 35 bản in là truyện thơ và tuồng chữ Nôm, bốn bản in *Lý Công tân truyện* là tiểu thuyết chữ Hán¹⁵.

Trong bài viết của mình, Nghiêm Diễm đã chỉ ra bốn nguyên nhân sách vở Nam Bộ được đưa sang Phật Sơn để khắc in: (1) Phật Sơn là trung tâm in ấn phát hành sách lớn: chất lượng khắc in cao, bản in gọn đẹp tinh xảo, trong khi giá thành lại rẻ; hơn nữa, Phật Sơn có hệ thống thương hội phồn thịnh với nhiều hiệu sách, hiệu giấy, hiệu mực, thợ in; từ khâu khắc in đến xuất bản, phát hành đều phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, tạo nên sự tiện lợi trong giao thương mua bán trong nước và quốc tế; (2) Sự giao lưu kinh tế và văn hóa giữa Nam Bộ và Quảng Đông vốn đã diễn ra thường xuyên và mật thiết; các Hoa thương Chợ Lớn luôn giữ mối quan hệ giao thương mật thiết với nhà buôn ở Quảng Đông; (3) Phật Sơn có vị trí địa lý thuận lợi cho việc truyền bá sách vở ra hải ngoại, bởi nó không chỉ là nơi sứ thần Việt Nam thường lui tới mua sách mang về nước, mà còn thông qua các cảng biển Quảng

¹² Nhan Bảo. *Ảnh hưởng của tiểu thuyết Trung Quốc đến văn học Việt Nam*. In trong Claudine Salmon (chủ biên). (1989). *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc tại Châu Á*. Bắc Kinh: Công ty xuất bản Văn hóa Quốc tế, tr.191-236.

¹³ Lưu Ngọc Quân. (2007). *Nghiên cứu văn bản sách vở Hán Nôm cổ Việt Nam*. Bắc Kinh: Trung Hoa Thư cục, tr.127-128.

¹⁴ Lý Khánh Tân. (2015). *Giao lưu sách vở giữa Quảng Đông và Việt Nam dưới thời nhà Thanh*. Nghiên cứu Học thuật, kỳ 12/2015, tr.93-104.

¹⁵ Nghiêm Diễm. (2016). *Khảo thuật về tiểu thuyết và tuồng chữ Nôm của Việt Nam được khắc in ở Phật Sơn cuối triều Thanh*. Nghiên cứu Đông Nam Á (Southeast Asian Studies), kỳ 1/2016, tr.94-101.

Châu, Hoàng Phố tiến hành giao thương đường biển với Việt Nam¹⁶; (4) Nghề in ấn ở Phật Sơn đáp ứng được nhu cầu khắc in tiểu thuyết thông tục ở Nam Bộ. Các tác phẩm chữ Nôm đang lưu hành ở Nam Bộ phần nhiều lấy đề tài, văn liệu, bối cảnh, cốt truyện, tình tiết, nhân vật của các tác phẩm cũng đang lưu hành ở Trung Quốc như *Kim Vân Kiều truyện*, *Tam Quốc diễn nghĩa*, *Tây du ký*, *Phong thần diễn nghĩa*, *Bạch Viên Tôn Các*,... Nên ở đây đã có sẵn các bản khắc mộc hoạt tự chữ Hán, chỉ cần khắc thêm bộ phận chữ Nôm là đủ. Đương thời, nhu cầu thưởng thức tiểu thuyết thông tục ở Hoa Nam cũng rất lớn, nhiều nhà sách chuyên môn hoặc kiêm thêm khắc in tiểu thuyết thông tục, việc có thêm đơn đặt hàng từ Việt Nam không phải là thách thức gì quá lớn với họ.

Quá trình giao dịch sách vở này, ngoài giới thương nhân người Hoa ra, giới văn sĩ gốc Hoa tinh thông tiếng Việt và văn chương Việt ở Chợ Lớn cũng đóng vai trò then chốt. Họ là những người đảm bảo chất lượng bản in chữ Nôm thông qua công việc hiệu đính văn bản trước khi in, trong khi người Trung Quốc vốn không am tường loại chữ đầy sáng tạo đặc trưng của người Việt này. Nổi bật nhất là hai tác giả Duy Minh Thị, chủ nhân hoặc cộng tác viên của hiệu sách Minh Chương Hiệu và Dương Minh Đức, chủ nhân của hiệu sách Dương Đức Hiệu.

Duy Minh Thị (?-?), hay Minh Chương Thị, là bút hiệu của một văn sĩ, viên chức hành chính gốc Hoa sống tại Gia Định nửa cuối thế kỷ XIX. Ông tên thật là Trần Quang Quang, nguyên quán huyện Duy Minh (phủ Hoàng Tri, tỉnh Vĩnh Long, nay thuộc tỉnh Bến Tre), có thể là hậu duệ của danh thần triều Nguyễn gốc Minh Hương từng nhiều lần đi sứ Trung Quốc Trịnh Hoài Đức (1765-1825)¹⁷. Ngoài *Truyện Kiều*, trên trang bìa nhiều tác phẩm khắc in khác ở Phật Sơn cũng thấy xuất hiện tên Duy Minh Thị hiệu đính, hoặc tên các hiệu sách ở Chợ Lớn như Minh Chương Hiệu, Dương Đức Hiệu, Kim Thanh Hiệu. Rất có thể, các ông cũng là những người trực tiếp sang Quảng Đông thương thảo và theo dõi việc khắc in tại Phật Sơn. Còn các tên gọi Đề Ngạn, Đại Thị (Chợ Lớn) thường xuất hiện trên bìa các quyển sách nay thuộc Quận 5, Quận 6 và Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi có nhiều hiệu sách người Hoa đương thời là phố Đường Nhân và phố Quảng Đông của Chợ Lớn, nay là đường Nguyễn Trãi và Triệu Quang Phục (Quận 5). Đặc biệt, Hòa Nguyên Thịnh là một hiệu sách ở Phật Sơn (Quảng Đông), một chi nhánh cùng tên đã được mở ra ở Chợ Lớn để phát hành sách của nhà sách đó ở Việt Nam.

4. Sự truyền bá kinh sách tôn giáo khu vực Hoa Nam đến Nam Bộ

Nhìn một cách tổng thể quan hệ giao lưu sách vở giữa Nam Bộ và Hoa Nam cuối nhà Thanh, không thể không nhắc đến một bộ phận khá quan trọng và chiếm số lượng khá lớn là hệ thống kinh điển, sách vở của các tôn giáo ở Nam Bộ có nguồn gốc du nhập từ khu vực

¹⁶ Năm Càn Long thứ 22 (1757), triều đình Nhà Thanh quy định Hoàng Phố là cảng khẩu thương mại quốc tế hợp pháp duy nhất ở Trung Quốc.

¹⁷ Theo khảo cứu của Lưu Ngọc Quân, Duy Minh Thị trong lời tựa quyển *Nam Kỳ lục tỉnh địa dư chí* có gọi Trịnh Hoài Đức là “Tiên công”, chứng tỏ Duy Minh Thị là hậu duệ của Trịnh Hoài Đức.

Hoa Nam. Sau mỗi biến động lớn về chính trị, xã hội ở Trung Quốc, như sau khi Mãn Thanh thống trị Trung Nguyên, hay sau mỗi đợt triều đình ra sức tiêu trừ các thế lực phản Thanh phục Minh, sau khi nhà Thanh thảm bại trong hai lần chiến tranh Nha phiến (1839-1942, 1856-1860), hoặc sau thất bại của khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864)..., hầu như đều có một làn sóng nhân sĩ, đạo sĩ người Hoa di cư xuống phía nam, góp phần đưa các tôn giáo dân gian, các hội kín mang màu sắc tôn giáo vùng Hoa Nam truyền đến Việt Nam, mà chủ yếu là vùng đất Nam Bộ. Trong số đó, đạo Minh Sư (một chi phái của Tiên Thiên Đạo), đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (một phong trào hội kín có nguồn gốc Hoa Nam), Đạo Lão (Đạo giáo) là những nhóm tôn giáo còn lưu giữ nhiều kinh điển, sách vở chữ Hán du nhập từ cuối nhà Thanh, mãi đến nay vẫn còn sử dụng trong nhiều nghi thức thờ tự cúng tế.

4.1. Trường hợp hệ thống kinh sách của đạo Minh Sư

Đạo Minh Sư là một tôn giáo ngoại lai được du nhập vào Việt Nam cuối thế kỷ 19, do trưởng lão Đông Sơ Trương Đạo Dương thuộc Tiên Thiên Đạo từ Triều Nguyên Động (Quảng Đông) truyền vào Nam Bộ Việt Nam vào năm Tự Đức thứ 16 (1863), sau đó, lan rộng khắp cả nước. Trong thời kỳ hưng thịnh nhất từ nửa cuối thế kỷ 19 đến hết nửa đầu thế kỷ XX, đạo Minh Sư đã xây dựng hơn 100 ngôi chùa (thường gọi là Phật đường) khắp cả nước, thu nhận hàng vạn tín đồ khắp nơi cả người Hoa lẫn người Việt, trở thành một trong những trung tâm văn hóa tín ngưỡng quan trọng của xã hội Nam Bộ đương thời.

Đạo Minh Sư có hệ thống kinh sách rất phong phú, ngoài kinh điển tam giáo Nho - Phật - Lão còn có nhiều loại kinh sách tập hợp, luận giải, bản bạc kinh điển tam giáo lưu truyền trong dân gian, đáng chú ý nữa là các tập số điệp, văn thơ cơ bút lưu hành nội bộ trong một số Phật đường. Kinh sách Phật giáo gồm có *Được sư bốn nguyện kinh*, *Liên hoa bảo sám kinh*, *A Di Đà kinh*, *Niệm Phật hồng danh kinh*, *Phổ môn phẩm*, *Địa Tạng bồ tát bốn nguyện kinh*, *Ba la mật đa tâm kinh*,... Kinh sách Đạo giáo có *Đạo đức kinh*, *Thanh tịnh kinh*, *Thái thượng cảm ứng thiên*,... Kinh sách Nho giáo có *Khổng Tử tâm kinh*, *Luận ngữ*, *Trung dung*, *Nhị thập tứ hiếu*,... Các loại sách khuyến thiện (thiện thư) và sách cơ bút của các giáo phái dân gian Hoa Nam như *Ngọc Hoàng kinh*, *Điều Trì Kim Mẫu kinh*, *Bắc đẩu chân kinh*, *Quan Đế đào viên minh thánh kinh*, *Quan Thánh giáng bút chân kinh*, *Thổ địa long vương kinh*, *Cửu khổ kinh*, *Thiên ngươn kinh*,... Ngoài ra còn có một số tập sách hỗn dung kinh điển tam giáo như *Nhật tụng kinh*, *Tập dịch biên*, *Đạo môn nhật tụng*, *Thiện môn nhật dụng kinh*,...

Kết quả điều tra điền dã tại nhiều Phật đường lớn như Quang Nam Phật Đường (TP HCM), Quảng Tế Phật Đường (Hà Tiên), Nam Nhã Phật Đường (Cần Thơ) đều cho thấy, các cơ sở thờ tự của đạo Minh Sư đều lưu trữ nhiều sách quý của Tiên Thiên Đạo được mang từ Quảng Đông sang, thậm chí có nhiều sách gốc được khắc in, phát hành tại tổ đình của đạo này ở Quảng Đông là La Phù Sơn Triều Nguyên Động vào những năm cuối thế kỷ XIX. Số kinh sách này do các vị trưởng lão của Tiên Thiên Đạo như Trương Đạo Dương, Trương Đạo Tân, Lưu Đạo Nguyên, Ngô Đạo Quan, Vương Đạo Thâm, Trần Đạo Quang, Lâm Đạo Nguyên, Đinh Đạo Ninh,... từ Quảng Đông truyền sang. Chẳng hạn, Quang Nam

Phật Đường (tổ đình của đạo Minh Sư ở Việt Nam) đang lưu giữ nhiều quyển sách quan trọng như *Nguyên đạo chánh nghĩa luận* (La Phù Sơn Triều Nguyên Động tàng bản, Lý Tây Hàng trùng san năm 1895), *Khánh chúc biểu văn* (La Phù Sơn Triều Nguyên Động tàng bản), *Ngọc lộ kim bàn*, *Ngọc Hoàng chân kinh tụng bản* (trùng san năm 1961), *Ngọc Hoàng hồng từ kinh* (La Phù Sơn Triều Nguyên Động trùng san năm 1912),...¹⁸.

Năm 2018, chúng tôi điều tra điền dã tại Nam Nhã Phật Đường (Cần Thơ) cũng phát hiện nơi này lưu giữ khá nhiều kinh sách cổ có nguồn gốc từ Quảng Đông, thời gian khắc in trong khoảng 30 năm cuối thế kỷ XIX đến 20 năm đầu thế kỷ XX. Trong đó, quan trọng nhất là các quyển *Thập cáo linh văn*, *Tam quy ngũ giới*, *Văn Xương Đế Quân bốn nguyện chân kinh*, *Tiên Phật chân truyền chương cú trực giải*, *Bắc đẩu chân kinh*, *Ngọc Hoàng tâm ấn diệu kinh chân giải*, *Nhân quả bảo kinh toàn bản*, *Vô cực truyền tông chí*, *Minh tâm bửu giám*, *Vì sơn cảnh sách cú thích ký*, *Truyền đăng lục*, *Khánh chúc biểu văn*, *Liên hoa bửu sám*, *Điểm dị xiển chân*, *Quan Đế minh thánh chân kinh*, *Khuyến hiếu ca diễn nghĩa*,... Trên trang bìa của các sách này đều có ghi thời điểm khắc in từ các triều đại cuối nhà Thanh đến đầu thời Dân Quốc, nơi tàng bản là Triều Nguyên Động La Phù Sơn, nơi khắc in và phát hành là các phường sách ở Quảng Đông như Văn Hải Lâu, Tụ Hiền Đường, Bội Văn Đường, Tế Nhất Đường, Văn Khuê Các,... Do hầu hết kinh sách của đạo Minh Sư đều bằng chữ Hán, nên chỉ bộ phận nhỏ các chức sắc tinh thông Hán học và đạo học mới có thể lãnh hội được; trong khi phần đông tín đồ không biết chữ Hán, đặc biệt là tín đồ người Việt, nên nhiều chức sắc và học giả đương thời đã phiên dịch, biên tập sách vở để phổ cập giáo lý và nâng cao nhận thức cho tín đồ về đạo.

Chúng tôi thu thập được ở Quan Âm Phật Đường (Long An) bản dịch tiếng Việt của *Ngọc Hoàng kinh*, do dịch giả Mạch Quốc Thoại phiên dịch. Quyển kinh này ra đời những năm Hàm Phong triều Thanh, mô tả việc Ngọc Hoàng Thượng Đế thương xót thiên hạ sắp mặt kiếp, thế đạo băng hoại, lòng người bạc ác, nên giáng cơ dạy bảo, khuyến hóa đời tàn, như thuyền từ phổ cứu chúng sanh; người đọc kinh này được tiêu tai tăng phước, nhập thánh siêu phàm, xua tan ma quỷ. Quyển sách còn giới thiệu đến người đọc sự tích về Bàn Cổ mở trời đất, các vị tiên thánh lâm phạm hóa chúng, xây dựng đời sống thế gian. Có thể thấy, thông qua quyển sách, các học thuyết vũ trụ quan, đạo đức quan, nhân sinh quan có trong *Chu dịch*, *Đạo đức kinh*, *Lý học Tống Minh*,... được phổ biến đến tín chúng. Việc phiên dịch kinh sách, khiến cho các luận thuyết tôn giáo đời nhà Thanh càng dễ dàng truyền bá đến Việt Nam, góp phần nâng cao nhận thức xã hội về văn sử triết Trung Hoa đương thời.

Ngọc Hoàng kinh chỉ là một trong rất nhiều kinh sách Trung Hoa được lưu truyền từ Quảng Đông đến Nam Bộ. Đội ngũ dịch giả ngoài các chức sắc cao cấp đạo Minh Sư người Hoa - Việt, còn có các tín đồ thuộc tầng lớp trí thức công tác ở nhiều lĩnh vực khác nhau

¹⁸ Du Tử An. *Đạo mạch nam truyền: Sự truyền thừa và biến thiên của Tiên Thiên đạo từ Lĩnh Nam đến Việt Nam thế kỷ XX*. In trong Trần Tiên Quốc (chủ biên). (2010). *Tôn giáo nhân loại học (tập 2)*. Bắc Kinh: Xã hội Khoa học Văn hiến Xuất bản xã, tr.253.

trong xã hội. Chẳng hạn, quyển *Dưỡng chơn tập* lưu hành ở Kim Long Phật Đường, Nam Hòa Phật Đường (Khánh Hòa) và Khánh Nam Phật Đường (TPHCM) do Nguyễn Minh Thiện dịch năm 1957. Ngoài sách này, dịch giả này còn biên dịch một loạt kinh sách khác như *Minh lý yếu giải*, *Nhị thập tứ hiếu*, *Tứ đại điều quy*, *Tam quy ngũ giới*, *Hiếu kinh*, *A Di Đà kinh điển nghĩa*, *Phật giáo tâm lý học*, *Thiền pháp yếu giải*,... để truyền rộng tư tưởng đạo Minh Sư đến người đọc. Ngoài nguyên bản và dịch phẩm kinh sách chữ Hán từ Trung Quốc truyền sang, trong nội bộ đạo này còn lưu truyền khá nhiều sách cơ bút, sách khuyến thiện bằng chữ Nôm và chữ Quốc ngữ như *Đạo nam kinh*, *Tề gia bửu huấn thiện kinh*, *Hiếu để liêm tiết khuyến thiện kinh*,... Loại sách này cũng chịu ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng triết lý vốn có trong kinh sách chữ Hán.

Có thể nói, kinh sách chữ Hán của Tiên Thiên Đạo từ Trung Quốc truyền sang khá đa dạng, được nhiều thế hệ tín đồ trong đạo yêu thích tham cứu, tạo nên cao trào dịch thuật ở Nam Bộ đương thời, góp phần vào cuộc giao lưu văn hóa Trung - Việt. Đến nay, trải qua hơn 150 năm đầy những biến động lịch sử, đạo Minh Sư chỉ còn sót lại hơn 50 ngôi Phật đường, phần lớn tập trung ở khu vực từ Huế trở vào Nam. Chùa Minh Sư đậm đà phong cách Trung Hoa, lưu giữ khá nhiều di sản văn hóa, phong phú về các mặt kiến trúc, điêu khắc, hình tượng, biển ngạch, câu đối, vãn bia, kinh điển, sách cơ bút, thơ ca,..., chứa đựng một khối lượng lớn tài sản tinh thần của xã hội đương thời¹⁹.

4.2. Trường hợp hệ thống kinh sách của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa do Đức Bồn Sư Ngô Lợi (1831-1890) sáng lập năm 1870²⁰, theo phả hệ truyền giáo của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thì đạo này tương ứng với chữ “Kỳ” (Chữ Kỳ là hiệu Bồn Sư). Nhiều học giả cho rằng, đây là một tôn giáo nội sinh mang màu sắc cứu thế do người Việt Nam Bộ sáng lập nhằm hưởng ứng phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi chống thực dân Pháp xâm lược²¹. Tuy nhiên, kết quả điều tra điền dã của chúng tôi cho thấy tôn giáo này có mối quan hệ mật thiết với các hội kín, đặc biệt là Thiên địa hội, hoạt động chống thực dân đế quốc xâm lược vào cuối đời Thanh ở Hoa Nam, sau đó do bị đàn áp nên một bộ phận đã đào thoát sang Nam Bộ Việt Nam. Họ hưởng ứng lời hiệu triệu Cần Vương, ra sức gây dựng lực lượng để phản Pháp phục Nam. Từ khi được truyền đến vùng Núi Tượng (Ba Chúc, Tri Tôn, An Giang) năm 1876 liên tục đến nay, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là tôn giáo duy nhất ở Nam Bộ, vẫn bảo lưu truyền thống sáng tác và sao chép kinh điển bằng chữ Hán, sách vở lưu truyền nội bộ đều dùng chữ Hán và chữ Nôm để viết.

Dù không có nhiều chứng cứ cụ thể về quá trình truyền bá, nhưng hoàn toàn có thể suy luận rằng, đa phần kinh điển, sách vở của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều từ Trung Quốc truyền

¹⁹ Nguyễn Thanh Phong. (2018). *Đạo Minh Sư trong đời sống xã hội Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX*. Nghiên cứu Tôn giáo, số 08 (176), 2018, tr.99-114.

²⁰ Quanh thời gian sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa vẫn còn nhiều ý kiến tranh luận, ở đây chúng tôi tạm lấy thời điểm ông Ngô Lợi bắt đầu phát phái thu nhận tín đồ.

²¹ Hà Tân Dân. (1971). *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*. Sài Gòn: Tủ sách sưu khảo sử liệu Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.

sang. Theo nghiên cứu của học giả Đài Loan Chung Vân Oanh (Chung Yun Ying), hệ thống kinh điển của giáo phái này có thể chia làm ba loại lớn: (1) Kinh sách tự sáng tác bởi hai ngài Ngô Lợi và Nguyễn Hội Chân như *Hiếu nghĩa kinh, Linh Sơn hội thượng kinh, Phật thuyết thiên địa kinh, Ngũ nhạc chân kinh, Cung văn, Ngọc lịch đồ thơ tập chú*,...; (2) Các kinh điển Phật giáo từ Trung Quốc truyền vào như *Phổ môn kinh, Cao vương kinh, Di Đà kinh, Đại bi chú, Kim cương kinh, Vu lan bồn kinh, Bát dương kinh*,...; (3) Các kinh sách khuyến thiện phi Phật giáo từ Trung Quốc truyền sang như *Đào viên kinh, Siêu thăng kinh, Ngọc hoàng kinh, Ngũ công thiên đồ kinh, Địa mẫu kinh, Thái thượng cảm ứng kinh*,..., nội dung các kinh sách khuyến thiện này đã được sửa đổi ít nhiều theo tình hình phát triển lịch sử xã hội Nam Bộ và sự điều chỉnh giáo lý đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa²².

Theo Đặng Văn Tuấn, kinh điển của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có tổng cộng 36 quyển nằm trong hai bộ kinh lớn là kinh *Pháp bửu trường sanh* (24 quyển) và kinh *Siêu độ* (12 quyển), cùng với 5 quyển giáo luật, giáo lễ²³ và 3 quyển sách ghi chép lịch sử và kiến trúc chùa chiền mang tên *Ngọc lịch đồ thơ tập chú*. Qua nhiều chuyến điền dã, chúng tôi đã thu thập hầu như trọn vẹn số kinh sách nói trên, thậm chí còn nhiều hơn số sách mà Đặng Văn Tuấn đã công bố. Ngoài 10 bộ kinh phổ biến nhất được tín đồ đọc tụng hằng ngày như *Linh Sơn hội thượng kinh, Hiếu nghĩa kinh, Thọ sanh kinh, A Di Đà kinh, Thiên địa bát dương kinh, Siêu thăng kinh, Phổ môn kinh, Phổ độ kinh, Đại bi thập chú* và *Đào viên minh thánh kinh*, trong kho kinh điển của đạo này còn nhiều kinh sách lạ ít người biết đến như *Tư mệnh tảo quân chân kinh, Phật thuyết thiên địa kinh, Ngũ hồ ngũ nhạc kinh, Hoàn sanh hoàn hồn kinh, Ngũ Công bát nhã kinh, Ngũ Công thiên đồ kinh, Ngũ Công bàn đào kinh, Tam ngọn tích thiện kinh, Thánh chúa thích minh kinh, Ngọc Hoàng cốt tủy chân kinh, Tam giáo hợp luận kinh, Chuyển trạc kinh, Nguyễn hội kinh*,... Có thể thấy, ngoài thu nạp một số ít kinh điển tam giáo, hệ thống kinh sách Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn dung nạp sách khuyến thiện, thậm chí cả sách cơ bút của Trung Quốc, bộ phận khá lớn còn lại là kinh sách tự sáng tác trong nội bộ các hội kín Hoa Nam và Nam Bộ.

Hầu hết tín đồ của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều tin tưởng rằng kinh sách lưu truyền trong đạo đều do Đức Bồn Sư Ngô Lợi sáng tác. Một số tín đồ cao niên thì cho rằng quá nửa trong số đó là do ông Nguyễn Hội Chơn, một tín đồ thân cận của Ngô Lợi trong thời kỳ ra kinh truyền đạo sáng tác và cung cấp. Kết quả khảo sát một số chùa miếu thờ Nguyễn Hội Chơn tại Thành phố Hồ Chí Minh đều cho thấy, ông là một trong những thủ lĩnh của phong trào hội kín Nam Bộ cuối thế kỷ XIX phụ trách địa bàn Sài Gòn, có mối liên hệ mật thiết với giới đạo sĩ Trung Quốc di cư sang. Chắc chắn khá nhiều kinh sách ông cung cấp cho Ngô Lợi có nguồn gốc từ các hội kín và các giáo phái dân gian vùng Hoa Nam.

²² Chung Vân Oanh, Nguyễn Thanh Phong. *Sự vận dụng kinh điển Phật giáo của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Việt Nam*. In trong Nhiều tác giả. (2018). *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Triết lý nhân sinh của người dân Nam Bộ, Việt Nam*. Cần Thơ: NXB Đại học Cần Thơ.

²³ Đặng Văn Tuấn. (2011). *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và ảnh hưởng của nó đối với tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Nam Bộ hiện nay*. Luận văn thạc sĩ ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP HCM, ĐHQG-HCM, tr.36.

Suốt một thế kỷ rưỡi hiện diện trên vùng đất Nam Bộ, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã đồng hành cùng với dân tộc qua những thăng trầm và biến động của thời cuộc. Hầu hết các tỉnh thành phía Nam đều có tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nhưng tập trung đông nhất vẫn là An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu,... Tại nơi xây dựng nền đạo là vùng Núi Tượng (Ba Chúc, Tri Tôn, An Giang), các vị cao đồ của đạo (thường gọi là các ông Gánh) đến nay vẫn duy trì truyền thống biên chép kinh điển và số điệp chữ Hán chữ Nôm trong nghi thức cúng tế hàng ngày và lưu truyền cho hậu thế. Tuy nhiên, số lượng tín đồ biết chữ Hán ngày một ít đi, các kinh sách phiên âm chữ Quốc ngữ bên cạnh chữ Hán phục vụ cho tín đồ trẻ ngày một phổ biến hơn, điều này ít nhiều làm giảm sức mạnh văn hóa, tín ngưỡng nội tại của giáo phái này.

4.3. Trường hợp hệ thống kinh sách của đạo Lão ở Khánh Vân Nam Viện

Khánh Vân Nam Viện là đạo quán của đạo Lão duy nhất ở Nam Bộ, người dân xưa nay quen gọi là chùa. Dù trong cách thức bày trí thờ tự vẫn thấy sự hiện diện của Nho giáo và Phật giáo, thế nhưng đạo Lão vẫn là xu hướng tín ngưỡng và tu luyện chủ đạo của các đạo sĩ tại ngôi chùa này, đặc biệt căn cứ trên hệ thống kinh sách được lưu giữ tại đây. Chùa được thành lập vào năm 1936 ở Sài Gòn, có nguồn gốc từ Khánh Vân Động ở Trà Sơn (huyện Hải Nam, tỉnh Quảng Đông), nên còn được gọi là Trà Sơn Khánh Vân Nam Viện. Chính điện chùa phối thờ các vị thần tiên Đạo giáo như Từ Tôn Tam Đế (Quan Thánh Đế Quân, Văn Xương Đế Quân, Phù Hựu Đế Quân), Huỳnh Đại Tiên, Hoa Đà Tiên Sư. Ngoài ra, trong chùa còn có các gian thờ đức phật Thích Ca, Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Địa Tạng, Thái Thượng Lão Quân. Tu sĩ và tín đồ của chùa ban đầu chủ yếu là người Nam Hải, về sau có thêm người Triều Châu, Phúc Kiến, số lượng hiện nay có khoảng 2.000 người.

Hiện nay, tại Khánh Vân Nam Viện còn lưu giữ khá nhiều kinh sách được đưa từ tổ miếu ở Hải Nam và đạo quán ở Hồng Công sang. Hầu hết đều là kinh điển đạo Lão, sách chú giải, bàn luận tư tưởng đạo Lão, sách hướng dẫn nghi thức lễ bái, cách thức tu hành luyện đan và huấn từ do các vị đại tiên giảng bút, niên đại xuất bản trải dài từ cuối nhà Thanh đến giữa thế kỷ XX, điển hình là các quyển *Lão Tử*, *Đạo đức kinh*, *Trang Tử Nam Hoa kinh giải*, *Thất chân truyền*, *Cảm ứng thiên hội biên*, *Kim cương tinh tọa pháp môn giải*, *Tĩnh tọa pháp môn*, *Thực liệu dược vật*, *Tu chân bắt tử phương*, *Tiên đạo mạn đàm*, *Tu tiên huấn điển*, *Khí công trị liệu dữ bảo kiện*, *Khí công bách nhật thông*, *Đạo học từ điển*, *Đạo học thảo luận tập*, *Đan đạo mạn đàm*, *Đồng phù thiết quyển*, *Huyền diệu kính*, *Kinh huyết đồ giải*, *Chỉ huyền thiên mật chú*, *Huỳnh đình kinh dữ Đạo đức kinh chú hợp khắc*, *Viên Đình Nhi tiên sinh tinh tọa yếu quyết*, *Ngọc Hoàng tâm ấn diệu kinh*, *Đạo nguyên tinh vi ca*, *Tâm truyền vận ngữ toàn tập*, *Phỏng đạo ngữ lục*, *Đan kinh chỉ nam*, *Trường sinh bắt lão mật quyết*, *Đại đạo phá nghi trực chỉ*, *Chung Lã truyền đạo tập*, *Xao kiêu động chương*... Với số sách này, có thể nói, ngôi chùa là một thư viện thu nhỏ của đạo Lão ở Việt Nam.

Đa số kinh sách này được truyền thẳng từ Quảng Đông sang từ khi lập chùa đến thập niên 70 của thế kỷ XX. Mặc dù quá trình lưu truyền không diễn ra cuối đời Thanh, thế nhưng quá trình sáng tác, biên tập và xuất bản thành sách hầu như đều diễn ra khoảng nửa

cuối thế kỷ XIX. Nó có vai trò quan trọng trong quá trình truyền bá đạo mạch sang Việt Nam, trở thành lẽ lối chuẩn mực cho việc hành đạo của giới đạo sĩ, khi mà trọng tâm tín ngưỡng đã dịch chuyển ra xa gốc gác cội nguồn vốn có. Quá trình giao lưu sách vở ở Khánh Vân Nam Viện chỉ diễn ra trong nội bộ cộng đồng người Hoa, cụ thể hơn là trong nội bộ giới đạo sĩ của chùa, hầu như không thấy dấu ấn của hoạt động biên tu, sáng tạo kinh sách diễn ra ở đây. Càng về sau, do sự thay đổi cơ cấu tổ chức, phương thức hành đạo, sinh hoạt tín ngưỡng, trình độ Hán ngữ của đạo sĩ và tín đồ, nên số sách trên hiện nay không được tham cứu thường xuyên nữa.

5. Kết luận

Từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX, tương ứng với nửa cuối nhà Thanh, là thời kỳ giao lưu sách vở giữa Nam Bộ (Việt Nam) và Hoa Nam (Trung Quốc) diễn ra mạnh mẽ nhất. Trong mối quan hệ giao lưu này, các sứ thần gốc Minh Hương ở Nam Bộ, giới văn nhân Hà Tiên và Gia Định, giới nho thương người Hoa Chợ Lớn, giới nhân sĩ các giáo phái dân gian và giới nhà nho miền Nam là những đối tượng tham gia chính. Họ là những người góp phần truyền bá, tiếp nhận, giao dịch, cải tác, sáng tác sách vở mới dựa trên những kiến thức rộng lớn, đa diện thu nạp được từ sách vở gốc được truyền sang.

Nổi bật lên trong cuộc giao lưu này là làn sóng lan truyền sách vở từ Hoa Nam sang Nam Bộ, trong đó di dân người Minh Hương và người Hoa giữ vai trò then chốt, trong khi sách vở Nam Bộ truyền ngược trở lại Hoa Nam hầu như không đáng kể. Quá trình giao lưu sách vở này mang một lượng lớn tri thức, tư tưởng học thuật của vùng Hoa Nam truyền đến Nam Bộ, góp phần làm hình thành học phong, đạo phong tương đối đặc thù của xã hội và con người Nam Bộ, vốn có nhiều điểm tương đồng với văn hóa tư tưởng Hoa Nam.

Vùng đất Nam Bộ có lịch sử phát triển chỉ hơn 300 năm. Bên cạnh văn hóa, tư tưởng người Việt từ Đàng Trong theo chân di dân Thuận Quảng truyền vào, còn có sự du nhập của văn hóa, tư tưởng người Hán theo chân di dân Hoa Nam truyền xuống. Hoạt động giao lưu sách vở là một phần của quá trình giao lưu văn hóa, tư tưởng Việt - Hoa diễn ra liên tục trên mảnh đất Nam Bộ trong suốt ba thế kỷ qua. Ngoài những trường hợp giao lưu tiêu biểu được chỉ ra phía trên, chắc hẳn còn nhiều trường hợp khác mà chúng tôi chưa có dịp biết đến. Nó mở ra một không gian nghiên cứu đầy hứa hẹn trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chung Vân Oanh, Nguyễn Thanh Phong (2018). “Sự vận dụng kinh điển Phật giáo của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Việt Nam”. In trong Nhiều tác giả, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Triết lý nhân sinh của người dân Nam Bộ, Việt Nam*. Cần Thơ: NXB Đại học Cần Thơ.
2. Du Tử An. “Đạo mạch nam truyền: Sự truyền thừa và biến thiên của Tiên Thiên đạo từ Lĩnh Nam đến Việt Nam thế kỷ XX”. In trong Trần Tiến Quốc (chủ biên) (2010). *Tôn giáo nhân loại học (tập 2)*. Bắc Kinh: Xã hội Khoa học Văn hiến Xuất bản xã.

3. Đặng Văn Tuấn (2011). *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và ảnh hưởng của nó đối với tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Nam Bộ hiện nay*. Luận văn thạc sĩ ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM.
4. Đông Hồ (1970). *Văn học miền Nam - Văn học Hà Tiên*. Sài Gòn: Quỳnh Lâm xuất bản.
5. Hà Tân Dân (1971). *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*. Sài Gòn: Tủ sách sưu khảo sử liệu Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.
6. Hà Thiên Niên (2014). “Phương thức lưu truyền của sách vở Trung Quốc đến Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến văn hóa triều Nguyễn”. *Thanh sử Nghiên cứu*, kỳ 2/2014.
7. Lưu Ngọc Quân (2007). *Nghiên cứu văn bản sách vở Hán Nôm cổ Việt Nam*. Bắc Kinh: Trung Hoa Thư cục.
8. Lưu Thục Bình (7/2012). “Tìm hiểu hoạt động kinh doanh của các phường in và xuất bản sách ở Phật Sơn”. *Phật Sơn Khoa học Kỹ thuật Học viện Học báo*, kỳ 4 quyển 30, tr.70-73.
9. Lý Khánh Tân (2015). “Giao lưu sách vở giữa Quảng Đông và Việt Nam dưới thời nhà Thanh”. *Nghiên cứu Học thuật*, kỳ 12/2015, tr.93-104.
10. Lý Trác Nhiên (2003). “Tur tưởng Chu Tử và Nho học Việt Nam”. *Trung Quốc Văn hóa Nghiên cứu Sở Học báo*, Singapore.
11. Nghiêm Diễm (2016). “Khảo thuật về tiểu thuyết và tuồng chữ Nôm của Việt Nam được khắc in ở Phật Sơn cuối triều Thanh”. *Nghiên cứu Đông Nam Á (Southeast Asian Studies)*, kỳ 1/2016, tr.94-101.
12. Nguyễn Thanh Phong (2018). “Đạo Minh Sư trong đời sống xã hội Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX”. *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 08 (176), 2018, tr.99-114.
13. Nhan Bảo. “Ảnh hưởng của tiểu thuyết Trung Quốc đến văn học Việt Nam”. In trong Claudine Salmon (chủ biên) (1989). *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc tại Châu Á*. Bắc Kinh: Công ty xuất bản Văn hóa Quốc tế.
14. Trần Ích Nguyên, Nguyễn Phúc An (dịch) (2018). *Thư tịch Trung Quốc và thơ văn đi sứ Trung Hoa thời Nguyễn*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
15. Trần Ích Nguyên, Phạm Tú Châu (dịch) (2013). *Thuật bàn về tư liệu sách chữ Hán ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
16. Vương Tam Khánh, Trần Ích Nguyên (chủ biên) (2011). *Luận tập văn hóa phong tục và văn học Hán văn Đông Á*. Đài Bắc: Lạc Học Thư cục.